SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
**HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM**

*Add: 275 Lach Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;*
*Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn*

Số: 201../2024/BBQT

# BIÊN BẢN
## Quan trắc môi trường

Hôm nay, vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 21 tháng 06 năm 2024.

Tại: Công ty liên doanh Khu Công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng

.....

Địa điểm: Khu Công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, phường Tân Thành, quận Dương Kinh và phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng .....

Loại hình sản xuất.....

.....

.....

.....

Sản phẩm chính (sản lượng/tháng): .....

.....

.....

Trung tâm Quan trắc môi trường tiến hành quan trắc môi trường phục vụ:

Trả kết quả quan trắc môi trường theo yêu cầu của công ty CP Thương mại dịch vụ công nghệ môi trường Bắc Khoa

.....

Theo những nội dung sau:

1 lấy mẫu nước thải tại vị trí xả thải (toạ độ X= 2295037.431; Y= 605317.708) (NT1)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Điều kiện thời tiết/khí tượng: nắng

Hướng gió Đông Nam tốc độ gió 1,7 m/s,

Nhiệt độ 33 $^0$C, độ ẩm tương đối 68 %, áp suất 101,2 kPa.

Tình trạng hoạt động (đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ và cơ sở đang hoạt động khác):

Tại thời điểm lấy mẫu, hệ thống xả thải của KCN Đất Sản vẫn đang hoạt động bình thường

Việc quan trắc kết thúc vào hồi: 10 giờ 00 phút, ngày 21 tháng 06 năm 2024 Có sự chứng kiến của:

1 Trung tâm quan trắc môi trường

ông: Trương Hoàng Long

2 Công ty liên doanh khu công nghiệp Đô Sơn

ông: Trần Trọng Cường

3 Công ty TNHH MTV Khai thác công trình TL Đa Độ

ông: Hoàng Văn Hoan

4 Đại diện uỷ ban nhân dân phường Ngọc Xuyên

ông Phạm Đức Toàn

5 Đại diện UBND phường Tân Thành

ông: Hoàng Đình Hới

Biên bản được lập xong vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 21 tháng 06 năm 2024, các bên tham dự nhất trí thông qua./.

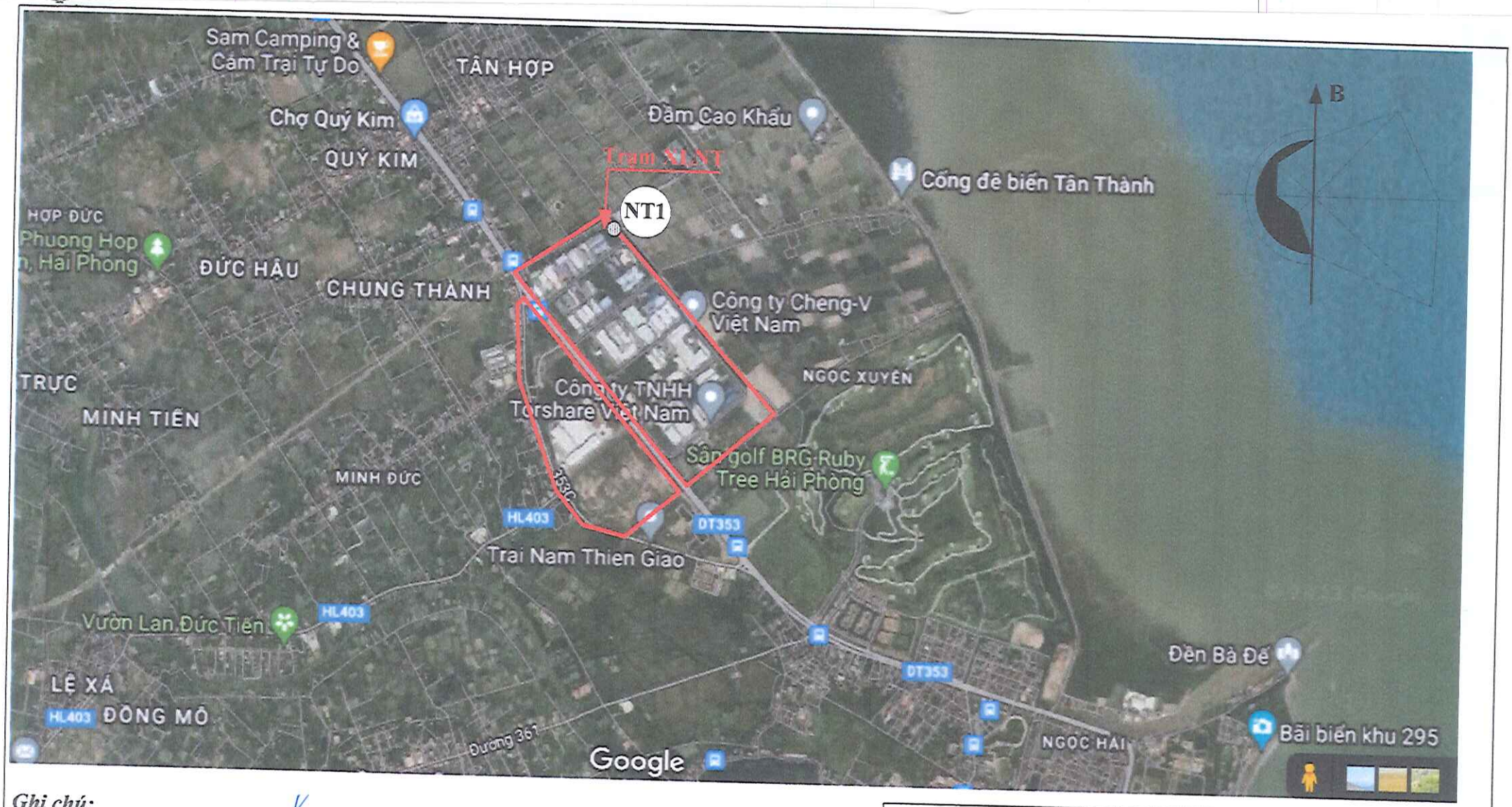
| Đại diện nhân dân *(nếu cần)* | Đại diện Cơ sở | Đại diện cơ quan quản lý *(nếu cần)* | Trung tâm QTMT |
|---|---|---|---|
| | Trần Trọng Cường | | Trương Hoàng Long |
| Hoàng Văn Hoan | Hoàng Đình Hới | | |
| | | Phạm Đức Toàn | |

Các thông số quan trắc hiện trường và phân tích môi trường do Trung tâm Quan trắc môi trường thực hiện theo GCN số 20/GCN-BTNMT ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (VIMCERT 008) hoặc những nhà thầu phụ thực hiện đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo các Quyết định được phê duyệt.

Danh sách các nhà thầu phụ:

1. Trung tâm Quan trắc môi trường – Tổng cục Môi trường (VIMCERT 027).
2. Viện Công nghệ môi trường thuộc Viện Hàn lâm và Khoa học Công nghệ Việt Nam (VIMCERT 079).
3. Viện Khoa học và Công nghệ môi trường – Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội (VIMCERT 055).
4. Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Phân tích môi trường (VIMCERT 006).
5. Công ty Cổ phần quan trắc và xử lý môi trường Thái Dương (VIMCERT 163).

...




***Ghi chú:***

**Ngày thực hiện:** 21/06/2024

**ĐKTT:** Trời nắng, nhiệt độ TB 33°C, độ ẩm TB 68%, áp suất 101,2kPa, gió hướng Đông Nam, tốc độ gió 1,7m/s.

**NT:** Vị trí quan trắc và lấy mẫu nước thải.

| SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br>**TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG** | **SƠ ĐỒ VỊ TRÍ QUAN TRẮC VÀ LẤY MẪU**<br>**Khách hàng:** Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Công nghệ Môi trường Bách Khoa<br>**Địa điểm lấy mẫu:** Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng - Phường Tân Thành, quận Dương Kinh và Phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. | |
|---|---|---|
| **GIÁM ĐỐC** | **THỰC HIỆN** | **KIỂM TRA** |
| **ĐÀM VĂN QUỲNH** | **TRƯƠNG HOÀNG LONG** | **NGUYỄN VĂN TIẾP** |

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
**HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM**

*Add: 275 Lach Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;*
*Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn*

Số: 531 /2024/KQQT

# PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU NƯỚC
## *RESULT OF WATER ANALYSIS*

Tên mẫu/ *Name of sample* : ***Mẫu nước thải.***

Ngày lấy mẫu/ *Date of sampling* : ***21/6/2024***

Tên khách hàng/ *Name of clients* : ***Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Công nghệ Môi trường Bách Khoa.***

Ngày phân tích/ *Date of test* : ***21/6 – 03/7/2024***

Địa điểm lấy mẫu/ *Place of sample* : ***Công ty liên doanh khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng - Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, phường Tân Thành, quận Dương Kinh và phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.***

| **TT/** *No.* | **Tên mẫu/** *Name of sample* | **Mã số mẫu/** *Sample ID* |
|---|---|---|
| 1 | Mẫu nước thải tại vị trí xả thải. Tọa độ: 2295097.431X; 605317.703Y. (NT1) | **0621811** |

***Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2,3/3).***

*Hải Phòng, ngày 03 tháng 7 năm 2024.*

| **TM. NHÓM PHÂN TÍCH** | **PHÒNG QT&PT MT** | **GIÁM ĐỐC** |
|---|---|---|
| **Nguyễn Thị Hải Âu** | **Nguyễn Văn Tiếp** | **Đàm Văn Quỳnh** |

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/*The methods were approved by VILAS*; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/*The methods are performing by subcontractors*; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ *Laboratory – developed methods.*
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ *The test result is valid for analysed sample only.*
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ *The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
**HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM**

*Add: 275 Lach Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;*
*Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn*

Số: 531 /2024/KQQT

# KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
## *RESULTS OF ANALYSIS*

| TT/ *No.* | Thông số/ *Parameters* | Phương pháp/ *Methods* | Đơn vị/ *Unit* | KẾT QUẢ/ *RESULTS* | QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, Kq=0,9; Kf=1,1 )(1) |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | 0621811 | |
| 1 | Nhiệt độ | SMEWW 2550B:2023 | *°C* | 30,6 | *40* |
| 2 | pH | TCVN 6492:2011 | - | 7,13 | *6-9* |
| 3 | Màu (tại pH=7) | SMEWW 2120C:2023 | *Pt/Co* | 16,0 | *50* |
| 4 | $BOD_5$ (20°C) | TCVN 6001-1:2008 | *mg/l* | 2,2 | *29,7* |
| 5 | COD | SMEWW 5220B&C:2023 | *mg/l* | 19,7 | *74,25* |
| 6 | Chất rắn lơ lửng(*) | SMEWW 2540D:2023 | *mg/l* | 13,8 | *49,5* |
| 7 | Asen | SMEWW 3114B:2023 | *mg/l* | 0,011 | *0,0495* |
| 8 | Thủy ngân | SMEWW 3112B:2023 MDL=0,00032mg/l | *mg/l* | ND | *0,00495* |
| 9 | Chì | SMEWW 3113B:2023 | *mg/l* | 0,026 | *0,099* |
| 10 | Cadimi | SMEWW 3113B:2023 MDL=0,0015mg/l | *mg/l* | ND | *0,0495* |
| 11 | Crom (VI) | SMEWW 3500-Cr.B:2023 MDL=0,0018mg/l | *mg/l* | ND | *0,0495* |
| 12 | Crom (III) | SMEWW 3500-Cr.B:2023 MDL=0,015mg/l | *mg/l* | ND | *0,198* |
| 13 | Đồng | SMEWW 3111B:2023 | *mg/l* | ND | *1,98* |
| 14 | Kẽm | SMEWW 3111B:2023 MDL=0,15mg/l | *mg/l* | ND | *2,97* |
| 15 | Niken | SMEWW 3113B:2023 MDL=0,030mg/l | *mg/l* | ND | *0,198* |
| 16 | Mangan | SMEWW 3111B:2023 | *mg/l* | 0,25 | *0,495* |
| 17 | Sắt | SMEWW 3111B:2023 | *mg/l* | 0,88 | *0,99* |
| 18 | Tổng xianua | SMEWW 4500CN-.C&E:2023 MDL=0,0025mg/l | *mg/l* | ND | *0,0693* |
| 19 | Tổng dầu mỡ khoáng | SMEWW 5520B&F:2023 | *mg/l* | 0,56 | *4,95* |
| 20 | Sunfua | SMEWW 4500-S2-.B&D:2023 MDL=0,032mg/l | *mg/l* | ND | *0,198* |

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/*The methods were approved by VILAS*; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/*The methods are performing by subcontractors*; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ *Laboratory – developed methods.*
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ *The test result is valid for analysed sample only.*
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ *The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
**HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM**

*Add: 275 Lach Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;*
*Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn*

Số: 531 /2024/KQQT

| TT/ *No.* | Thông số/ *Parameters* | Phương pháp/ *Methods* | Đơn vị/ *Unit* | KẾT QUẢ/ *RESULTS* 0621811 | QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, Kq=0,9 ; Kf=1,1 )(1) |
|---|---|---|---|---|---|
| 21 | Florua | SMEWW 4500-F⁻.B&D:2023 | *mg/l* | 0,66 | *4,95* |
| 22 | Amoni (tính theo N) (*) | TCVN 6179-1:1996 | *mg/l* | 0,28 | *4,95* |
| 23 | Tổng nitơ (*) | TCVN 6638:2000 | *mg/l* | 7,5 | *19,8* |
| 24 | Tổng phốt pho (tính theo P) (*) | SMEWW 4500P.B&E:2023 | *mg/l* | 3,5 | *3,96* |
| 25 | Clo dư | TCVN 6225-3:2011 MDL = 0,017 mg/l | *mg/l* | ND | *0,99* |
| 26 | Clorua(*) | SMEWW 4500Cl⁻.B:2023 | *mg/l* | 413,6 | *495* |
| 27 | Tổng phenol (*) | SMEWW 5530B&D:2023 | *mg/l* | 0,093 | *0,099* |
| 28 | Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (**) | US EPA Method (3510C+3620C+8270D) | *mg/l* | <0,0005 | *0,0495* |
| 29 | Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ (**) | US EPA Method (3510C+3620C+8270E) | *mg/l* | <0,001 | *0,297* |
| 30 | Tổng PCBs (**) | US EPA Method (3510C+3620C+8270D | *mg/l* | <0,001 | *0,00297* |
| 31 | Coliform | SMEWW 9221B:2023 | *MPN/ 100ml* | 2600 | *3000* |
| 32 | Tổng hoạt độ phóng xạ α (**) | SMEWW 7110B: 2017 | *Bq/l* | 0,013 | *0,1* |
| 33 | Tổng hoạt độ phóng xạ β (**) | SMEWW 7110B: 2017 | *Bq/l* | 0,197 | *1,0* |

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ *Method Detection Limit.*
- ND: Không phát hiện/ *Not detected.*
- SMEWW: Standard Method for the Examination of Water and Wastewater.
- US EPA: US Environmental Protection Agency.
- (**): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường – Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.
- (1): QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/*The methods were approved by VILAS*; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/*The methods are performing by subcontractors*; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ *Laboratory – developed methods.*
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ *The test result is valid for analysed sample only.*
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ *The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM*

